

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2019/DS-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2019/TLST-DS ngày 20/3/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2019/QĐST-DS ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: 442 đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Hàng Tố N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường V, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(theo văn bản ủy quyền số: 204/UQ-QLN.19 ngày 03/4/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần A)

2. Bị đơn: Ông Lê Tân C, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 43/2B Đường H, tổ 60, khu phố G, phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là ACB) đã căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/6/2016 của Ông Lê Tân C, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và các văn bản của Ông Lê Tân C ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, ACB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Ông Lê Tân C chi tiết như sau: Số thẻ chính: 3567 9500 0000 7117; Hạn mức thẻ: 45.000.000 đồng; ngày cấp 29/6/2016; Hiệu lực thẻ là 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn là Thẻ tín chấp; Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Ông Lê Tân C đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 21/12/2016 ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/4/2019, Ông Lê Tân C còn nợ ACB tiền vốn là 49.495.328 đồng (gồm 45.000.000 đồng tiền hạn mức tín dụng và 4.495.328 đồng là tiền phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo) và tiền lãi quá hạn là 47.532.104 đồng. Do vậy, ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thủ Đức buộc Ông Lê Tân C trả số tiền nợ gốc 49.495.328 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2019 là 53.243.729 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản sử dụng thẻ của ACB kể từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày ông C trả dứt nợ, theo thứ tự trả nợ vốn trước sau đó trả nợ lãi quá hạn.

(2) Bị đơn Ông Lê Tân C không hợp tác, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập, thông báo. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng Ông Lê Tân C vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Hàng Tô Như có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trên. Bị đơn Ông Lê Tân C tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn Ông Lê Tân C vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ACB với Ông Lê Tân C phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bị đơn Ông Lê Tân C đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Lê Tân C vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Nhận thấy, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 17/6/2016 giữa Ông Lê Tân C với ACB là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ lời khai, sự thừa nhận cũng như không phản đối của các bên đương sự có cơ sở xác định: Ngày 29/6/2016, ACB đã cấp cho ông Lê Tân Cường 01 thẻ tín dụng sử dụng vốn tín chấp, có số thẻ chính 3567 9500 0000 7117, số tiền hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, có hiệu lực sử dụng 36 tháng. Ông Lê Tân C đã sử dụng hết số tiền hạn mức tín dụng được cấp 45.000.000 đồng, nhưng không thanh toán đúng hạn nên ACB đã nhập tiền phí, lãi phát sinh trong kỳ vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo. Do vậy, ACB yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc 49.495.328 đồng là phù với thỏa thuận tại mục 5.2 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa các bên.

[3.3] Căn cứ vào bảng kê tính lãi do ACB cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy lãi suất, thời gian và thời điểm chuyển sang nợ quá hạn mà nguyên đơn đã áp dụng đúng theo thỏa thuận tại Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ông Lê Tân C trả số tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2019 là 53.243.729 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng, bản các điều khoản sử dụng thẻ của ACB kể từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày ông C trả dứt nợ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Tân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Ông Lê Tân C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 102.739.057 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bảy đồng), trong đó gồm tiền nợ gốc là 49.495.328 đồng và tiền nợ lãi là 53.243.729 đồng.

Ông Lê Tân C phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A, trên số dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 5.136.953 đồng (năm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi ba đồng), buộc Ông Lê Tân C phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 2.057.725 đồng (hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng), theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0023843 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A và Ông Lê Tân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Cao Văn Thiên